

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH N

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh T

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành C

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Bá S

Ông Đỗ Đức N

Bà Nguyễn Thị Anh Q

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thị Hồng N- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà Thiều Thị Lan A - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Toà án nhân dân tỉnh N xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Trần Thị Bích P, sinh năm 1986; tên gọi khác: Không; ĐKTT và nơi ở hiện nay: TDP số 19, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N; Nghề nghiệp: Giao dịch viên tại Bưu điện huyện Hải H; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Mai L, sinh năm 1954 và bà L Thị Bích M, sinh năm 1955; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Trần Xuân T, sinh năm 1981, có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Bích P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS: Luật sư Ngô Văn Q – Văn phòng luật sư Thiên T – Đoàn Luật sư tỉnh N

** Bị hại:*

1. Ông Đỗ Ngọc B, sinh năm 1952
Trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
2. Ông Lê Quý T, sinh năm 1962
Trú tại: TDP số 13, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
3. Ông Đinh Xuân H, sinh năm 1950
Trú tại: TDP số 8, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
4. Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1937
Trú tại: TDP số 10, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
5. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958
Trú tại: TDP số 5, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947
Trú tại: TDP số 14, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
7. Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1945
Trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
8. Bà Trần Thị L, sinh năm 1964
Trú tại: TDP số 15, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
9. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1986
Trú tại: TDP số 12, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
10. Ông Trần Văn H, sinh năm 1950
Trú tại: TDP số 08, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
11. Bà Lê Thị K, sinh năm 1967
Trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
12. Ông Đinh Xuân B, sinh năm 1955
Trú tại: TDP số 10, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
13. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1985
Trú tại: TDP số 09, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
14. Bà Lê Thị M, sinh năm 1958
Trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
15. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1967
Trú tại: TDP số 03, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
16. Bà Trần Thị L, sinh năm 1962
Trú tại: TDP số 08, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
17. Ông Vũ Hùng R, sinh năm 1964
Trú tại: TDP số 09, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
18. Bà Đỗ Kim T, sinh năm 1952
Trú tại: TDP số 09, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.
19. Bà Lê Thị T, sinh năm 1962
Trú tại: TDP số 06, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bưu điện huyện Hải H, tỉnh N

Địa chỉ: Thị trấn Yên Đ, huyện Hải H, tỉnh N

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Q – Giám đốc Bưu điện huyện Hải H

2. Anh Trần Xuân T, sinh năm 1981

Trú tại: TDP số 19, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N

3. Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1981

Trú tại: TDP số 19, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N

Tại phiên tòa có mặt: Bị cáo P, luật sư Ngô Văn Q; các bị hại: Ông B, ông H, bà Đ, ông H, ông Ngọc A, ông H, bà L, bà K, ông B, bà M, bà T có mặt; Ông T, ông C, bà L, bà T, bà M, bà L, ông R, bà T vắng mặt; Bưu điện huyện Hải H, tỉnh N và anh T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị Bích P được tiếp nhận và công tác tại Bưu điện huyện Nghĩa H, tỉnh N từ ngày 30/11/2007. Đến ngày 20/01/2011 P được chuyển về công tác tại Bưu điện huyện Hải H và được phân công làm giao dịch viên tại Bưu cục Hải T. Tại đây, một mình P làm giao dịch viên, trực tại Bưu cục, thực hiện các công việc tại Bưu cục còn những nhân viên hợp đồng khác chỉ đến nhận báo, bưu kiện rồi đem chuyển cho khách hàng.

Trong thời gian làm giao dịch viên tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P, đã làm giả sổ tiết kiệm Bưu điện để chiếm đoạt tiền gửi của người dân. Sau khi nhận được phản ánh của một số người dân vào ngày 01/02/2023, Bưu điện tỉnh N đã chỉ đạo Bưu điện huyện Hải H tạm đình chỉ công tác đối với Trần Thị Bích P, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định. Qua tiến hành xác minh, nhận thấy hành vi của P có dấu hiệu phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên ngày 05/05/2023, bà Nguyễn Thị Q – Giám đốc Bưu điện huyện Hải H đã làm đơn tố giác hành vi của Trần Thị Bích P đến cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu, sau đó cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu đã chuyển cho cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định như sau:

1. Hành vi “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” của Trần Thị Bích P:

Từ năm 2020 đến ngày 01/02/2023, khi làm giao dịch viên tại Bưu cục Hải T, thuộc Bưu điện huyện Hải H, Trần Thị Bích P có nhiệm vụ giới thiệu, H dẫn người dân thực hiện việc gửi tiết kiệm Bưu điện theo đúng quy định khi người dân có nhu cầu (H dẫn người dân đến Bưu điện huyện Hải H để gửi tiền tiết kiệm Bưu điện). Bản thân P không được giao nhiệm vụ nhận tiền gửi tiết kiệm Bưu điện và

phát sổ tiết kiệm Bưu điện cho người dân. Tuy nhiên, do cần tiền chi tiêu cá nhân, P đã lạm dụng quyền hạn được giao, nhận tiền gửi tiết kiệm của nhiều người dân. Mỗi lần nhận tiền, P thường ghi “phiếu thu” do P tự mua hoặc “biên lai thu tiền” được cấp phát sẵn tại Bưu cục đưa cho khách hàng. P hẹn người dân khoảng 3 ngày thì đến Bưu cục gặp P, nộp lại “biên lai thu tiền” hoặc “phiếu thu” để nhận sổ tiết kiệm. Sau khi nhận tiền gửi của người dân, P đã làm giả sổ tiết kiệm Bưu điện của Ngân hàng TMCP B Đ L V bằng cách đánh máy nội dung giống với sổ tiết kiệm của Ngân hàng B Đ L V trên máy tính của Bưu cục Hải T, in ra ½ tờ giấy bìa A4 màu xanh do P tự mua để hoàn thiện sổ tiết kiệm có kỳ hạn. Ký tên vào mục “Giao dịch viên”, lấy dấu “nhật ấn”, dấu “BLĐ” (bột lỏng điện) của Bưu cục Hải T đóng **Ln** sổ tiết kiệm đưa cho khách hàng. Quá trình nhận tiền gửi của người dân thì P thường yêu cầu người dân cung cấp Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân để P lấy thông tin khách hàng, sau đó cho khách hàng ký vào một sổ giấy tờ, biểu mẫu (người dân không xác định được là mình được P đưa cho ký vào những loại giấy tờ gì). Sau khi chiếm đoạt được tiền của các khách hàng, P đã sử dụng để chi tiêu cá nhân và cho chị Trương Thị H, sinh năm 1981, trú tại: TDP số 5, TT Yên Đ, huyện Hải H, tỉnh N vay 510 triệu đồng. Qua điều tra xác định: trong thời gian làm giao dịch viên tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tiền gửi của 19 khách hàng, cụ thể:

(1) Ông Đỗ Ngọc B, sinh năm 1952, trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H:

- Ngày 16/06/2020, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đỗ Ngọc B số tiền gửi tiết kiệm 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,05%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 16/06/2021. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8135165 đưa cho ông B.

- Ngày 18/04/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đỗ Ngọc B số tiền gửi tiết kiệm 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 18/04/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8181873 đưa cho ông B.

- Ngày 14/11/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đỗ Ngọc B số tiền gửi tiết kiệm 127.000.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 14/11/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8192169 đưa cho ông B. Sau khi hành vi phạm tội của P bị phát hiện, P đã khắc phục trả cho ông B 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Đỗ Ngọc B là **247.000.000đ** (hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

(2) Ông Lê Quý T, sinh năm 1962, trú tại: TDP số 13, TT T L, huyện Hải H:

- Tháng 05/2020 (không xác định được ngày), tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Lê Quý T số tiền gửi tiết kiệm 60.000.000đ (sáu mươi triệu

đồng). Kỳ hạn gửi 24 tháng, (không xác định được lãi suất). P đã viết cho ông T 01 biên lai thu tiền mà không làm sổ tiết kiệm đưa cho ông T.

- Tháng 10/2021 (không xác định được ngày), tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Lê Quý T số tiền gửi tiết kiệm 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng). Kỳ hạn gửi 24 tháng, (không xác định được lãi suất). P đã viết cho ông T 01 biên lai thu tiền mà không làm sổ tiết kiệm đưa cho ông T.

Do tin tưởng P nên hai lần gửi tiết kiệm trên ông T đều không lấy sổ tiết kiệm mà chỉ cầm biên lai thu tiền.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông T là **102.000.000đ**(một trăm linh hai triệu đồng).

(3) Ông Đinh Xuân H, sinh năm 1950, trú tại: TDP số 8, TT T L, huyện Hải H:

- Ngày 03/05/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H tổng số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 03/05/2022. Sau đó P đã tự làm 03 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8138994; số 8138991 và số 8138993, mỗi sổ tiết kiệm thể hiện số tiền gửi lần lượt là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đưa cho ông H.

- Ngày 13/05/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 13/05/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161029 đưa cho ông H.

- Ngày 17/05/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 337.000.000đ (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 17/05/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161030 đưa cho ông H.

- Ngày 09/06/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 131.000.000đ (một trăm ba mươi một triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 09/06/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161035 đưa cho ông H.

- Ngày 28/06/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 28/06/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161036 đưa cho ông H.

- Ngày 27/07/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 27/07/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161076 đưa cho ông H.

- Ngày 06/08/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H tổng số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 06/08/2022. Sau đó P đã tự làm 02 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161755 và số 8161756, mỗi sổ tiết kiệm thể hiện số tiền gửi lần lượt là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) đưa cho ông H.

- Ngày 09/08/2021, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 09/08/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8161757 đưa cho ông H.

- Ngày 27/05/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 10.000.000đ (mười triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 27/05/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8181983 đưa cho ông H.

- Ngày 31/05/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 152.000.000đ (một trăm năm mươi hai triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 31/05/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191722 đưa cho ông H.

- Ngày 29/06/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 29/06/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191852 đưa cho ông H.

- Ngày 06/07/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 06/07/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191769 đưa cho ông H.

- Ngày 27/08/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân H số tiền gửi tiết kiệm 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 27/08/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191995 đưa cho ông H.

Sau khi hành vi phạm tội của P bị phát hiện, P đã khắc phục trả cho ông Đinh Xuân H bằng **thửa đất** số 203, tờ bản đồ số 48 diện tích 120m² ở TDP số 18, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N **mang tên vợ chồng P với giá trị thỏa thuận là 1.150.000.000đ (hai bên đã làm thủ tục mua bán) và trả tiền mặt 15.000.000đ.**

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Đinh Xuân H là 2.767.000.000đ (hai tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

(4) Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1937, trú tại: TDP số 10, TT T L, huyện Hải H:

Tháng 05/2021 (không xác định được ngày), tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Đức C số tiền gửi tiết kiệm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn là ngày 04/05/2022. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông C.

Đến hạn thanh toán, ông C gặp P để thanh toán khoản tiền gửi này. P hỏi ông C có gửi tiết kiệm tiếp không thì ông C đồng ý. P tính cả tiền gốc và lãi cho ông C ở khoản gửi nêu trên được 32.470.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) để ông C gửi tiết kiệm số tiền này. P đã viết phiếu thu và hẹn ông C hôm sau Ln nhận sổ tiết kiệm. Đến hẹn, ông C đến Bưu cục gặp P và nhận 01 sổ tiết kiệm màu xanh có số 8181962. Nội dung sổ tiết kiệm thể hiện ngày 04/05/2022 ông Nguyễn Đức C gửi tiết kiệm 32.470.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 04/05/2023.

Trong tổng số tiền 32.470.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) ông C gửi ở trên thì số tiền thực tế mà ông C đưa cho P để gửi tiết kiệm là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), số tiền 2.470.000đ (hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) còn lại là số tiền lãi ông C được tất toán của khoản gửi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) lần trước. Mặc dù P chưa thanh toán số tiền lãi này cho ông C xong đây là khoản tiền mà ông C được hưởng khi gửi tiết kiệm, đồng thời ông C và P đã thỏa thuận gửi tiết kiệm tiếp số tiền gốc và lãi này. Sau khi hành vi phạm tội của P bị phát hiện, P đã khắc phục trả cho ông C 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức C là 32.470.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

(5) Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958, trú tại: TDP số 5, TT T L, huyện Hải H

- Từ ngày 21/6/2022 đến ngày 21/9/2022 tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị Đ 8 lần gửi tiền tiết kiệm mỗi lần 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn mỗi lần gửi là 12 tháng, lãi suất 16,85%/năm, hình thức lĩnh lãi một lần. Sau mỗi lần P đều tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có mã số rồi đưa cho bà Đ.

- Ngày 25/09/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị Đ tổng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 16,85%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 25/09/2023. Sau đó P đã tự làm 02 sổ tiết kiệm giả màu xanh, mỗi sổ tiết kiệm thể hiện số tiền gửi là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đưa cho bà Đ.

- Từ ngày 11/10/2022 đến ngày 24/12/2022 tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị Đ 8 lần gửi tiền tiết kiệm mỗi lần 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn mỗi lần gửi là 12 tháng, lãi suất 16,85%, hình thức lĩnh lãi một lần. Sau mỗi lần P đều tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh rồi đưa cho bà Đ.

- Ngày 16/01/2023, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị Đ tổng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 16,85%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 16/01/2024. Sau đó P đã tự làm 02 sổ tiết kiệm giả màu xanh, mỗi sổ tiết kiệm thể hiện số tiền gửi là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đưa cho bà Đ.

- Từ ngày 29/01/2023 đến ngày 31/01/2023 tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị Đ 3 lần gửi tiền tiết kiệm với mỗi lần là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 16,85%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần. Sau mỗi lần P đều tự làm giả 01 sổ tiết kiệm màu xanh để đưa cho bà Đ.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà Trần Thị Đ là **1.150.000.000đ** (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

(6) Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947, trú tại: TDP số 14, TT T L, huyện Hải H:

- Ngày 10/04/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền gửi tiết kiệm 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 8,2%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 10/05/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8181867 đưa cho ông H.

- Ngày 20/06/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền gửi tiết kiệm 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 7,6%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 20/06/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191752 đưa cho ông H.

- Ngày 08/08/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền gửi tiết kiệm 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 6,9%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 08/09/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191889 đưa cho ông H.

- Ngày 18/08/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền gửi tiết kiệm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 18/09/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191889 đưa cho ông H.

- Ngày 04/10/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền gửi tiết kiệm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi

13 tháng, lãi suất 7,6%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 04/11/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8192016 đưa cho ông H.

- Ngày 09/11/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Nguyễn Văn H số tiền gửi tiết kiệm 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 09/12/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8192055 đưa cho ông H.

- Năm 2022 (không xác định được ngày, tháng), ông Nguyễn Văn H có gửi tiết kiệm cho Trần Thị Bích P số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) với lãi suất 7%/năm. Đến ngày 17/02/2023 đến hạn thanh toán, Trần Thị Bích P đã đến nhà ông H trả số tiền lãi 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) cho ông H. Do ông H chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền gốc trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho ông H và làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông H.

- Năm 2022, ông Nguyễn Văn H có gửi tiết kiệm cho Trần Thị Bích P số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất 7%/năm. Đến ngày 06/03/2023 đến hạn thanh toán, Trần Thị Bích P đã đến nhà ông H trả số tiền lãi 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) cho ông H. Do ông H chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền gốc trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho ông H và làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông H.

- Năm 2022, ông Nguyễn Văn H có gửi tiết kiệm cho Trần Thị Bích P số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 7%/năm. Đến ngày 24/03/2023 đến hạn thanh toán, Trần Thị Bích P đã đến nhà ông H trả số tiền lãi 3.850.000đ (ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông H. Do ông H chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền gốc trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho ông H và làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông H.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H là **345.000.000đ** (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

(7) Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1945, trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H:

- Ngày 04/03/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Trần Ngọc A số tiền gửi tiết kiệm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 04/04/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông A.

- Ngày 25/04/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Trần Ngọc A tổng số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 25/05/2023. Sau đó P đã tự làm 02 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8181875 và số 8181876, mỗi sổ tiết kiệm thể hiện số tiền gửi lần lượt là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) đưa cho ông A.

- Ngày 12/05/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Trần Ngọc A số tiền gửi tiết kiệm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 12/05/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8181976 đưa cho ông A.

- Ngày 25/11/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Trần Ngọc A số tiền gửi tiết kiệm 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,1%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 24/11/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8192193 đưa cho ông A.

Sau khi hành vi phạm tội của P bị phát hiện, P đã khắc phục, thanh toán trả tiền cho ông Trần Ngọc A 01 sổ tiết kiệm với số tiền gửi là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Trần Ngọc A là **345.000.000đ** (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

(8) Bà Trần Thị L, sinh năm 1964, trú tại: TDP số 15, TT T L, huyện Hải H:

- Ngày 06/02/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị L số tiền gửi tiết kiệm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng (không xác định được lãi suất là bao nhiêu). Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 06/02/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho bà L. Ngày 06/02/2023 P đã thanh toán tiền lãi trả cho bà L, số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) P tiếp tục đảo sổ (đổi sổ tiết kiệm mới) đưa cho bà L. Sổ tiết kiệm mới có số 8163076 thể hiện ngày 06/02/2023 bà L gửi tiết kiệm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 06/02/2023.

- Ngày 29/12/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị L 02 lần tiền gửi tiết kiệm với tổng số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng). Sau đó P đã tự làm 02 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8193129 với số tiền gửi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 06 tháng, lãi suất 6,0%/năm, hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 29/06/2023 và sổ tiết kiệm số 8193130 với số tiền gửi là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,2%/năm, hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 29/12/2023 đưa cho bà L.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà L là **105.000.000đ** (một trăm linh năm triệu đồng).

(9) Bà Phạm Thị L, sinh năm 1986, trú tại: TDP số 12, TT T L, huyện Hải H:

Tháng 02/2022 (không xác định được ngày), tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Phạm Thị L số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng (không xác định được lãi suất là bao nhiêu). Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn là tháng 02/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho bà L.

Đến hạn thanh toán, bà L liên hệ với P để thanh toán khoản tiền gửi này. P tư vấn cho bà L hiện tại lãi tiền gửi cao, nếu bà L không sử dụng đến tiền thì để P đảo sổ cho bà L. P tính với bà L tiền lãi và tiền gốc của khoản gửi tổng được 74.000.000đ (bảy mươi tư triệu đồng). Do bà L chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền 74.000.000đ (bảy mươi tư triệu đồng) trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho bà L.

Trong tổng số tiền 74.000.000đ (bảy mươi tư triệu đồng) bà L đổi sổ ở trên thì số tiền thực tế mà bà L đưa tiền cho P để gửi tiết kiệm là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) còn lại là số tiền lãi bà L được tất toán của khoản gửi 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) lần trước. Mặc dù Trần Thị Bích P chưa thanh toán số tiền lãi này cho bà L xong đây là khoản tiền mà bà L được hưởng khi gửi tiết kiệm, đồng thời bà L và P đã thỏa thuận gửi tiết kiệm tiếp số tiền gốc và lãi này. Do đó Cơ quan điều tra xác định số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cũng là số tiền P chiếm đoạt của bà L.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà L là **74.000.000đ** (bảy mươi tư triệu đồng).

(10) Ông Trần Văn H, sinh năm 1950, trú tại: TDP số 08, TT T L, huyện Hải H:

Ngày 29/11/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Trần Văn H số tiền gửi tiết kiệm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 29/11/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8192197 đưa cho ông H.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Trần Văn H là **20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng).

(11) Bà Lê Thị K, sinh năm 1967, trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H:

Ngày 17/02/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Lê Thị K số tiền gửi tiết kiệm 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,0%/năm. Sau đó P đã viết phiếu thu đưa cho bà K mà không làm sổ tiết kiệm đưa cho bà K. Bà K nghĩ phiếu thu là sổ tiết kiệm nên cũng không có ý kiến gì. Ngày 17/02/2023, P đã thanh toán tiền lãi cho bà K. Do bà K chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền gốc trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho bà K. Sau khi hành vi phạm tội của P bị phát hiện, P đã khắc phục trả cho bà K 15.000.000đ (mười năm triệu đồng).

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà Lê Thị K là **230.000.000đ** (hai trăm ba mươi triệu đồng).

(12) Ông Đinh Xuân B, sinh năm 1955, trú tại: TDP số 10, TT T L, huyện Hải H:

- Tháng 04/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân B số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12

tháng, lãi suất 6,9%/năm. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông B.

Đến hạn thanh toán, ngày 01/04/2023. Ông B cầm sổ tiết kiệm đến gặp P để thanh toán tiền lãi và gốc thì P đã tính tiền lãi và trả cho ông B số tiền 4.830.000đ (bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng). Do ông B chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền gốc trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho ông B.

- Ngày 18/07/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Đinh Xuân B số tiền gửi tiết kiệm 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,9%/1 năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 18/07/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191869 đưa cho ông B.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của ông Đinh Xuân B là **91.000.000đ** (chín mươi một triệu đồng).

(13) Bà Bùi Thị T, sinh năm 1985, trú tại: TDP số 09, TT T L, huyện Hải H:

- Ngày 14/02/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Bùi Thị T số tiền gửi tiết kiệm 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 6,0%/năm. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho bà T.

Đến tháng 02/2023, nhân viên Bưu điện đi phát tờ rơi quảng cáo gửi tiết kiệm 9,3%/1 năm. Thấy lãi suất cao và có ý định gửi tiết kiệm tiếp, đồng thời khoản gửi cũ cũng đến hạn thanh toán, bà T đã liên lạc để hỏi và hai bên tính số tiền lãi và gốc của khoản gửi trước được 477.000.000đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Do bà T chưa có nhu cầu rút tiền và muốn đổi sổ để tiếp tục gửi tiết kiệm số tiền gốc và lãi trên, P đã làm thủ tục để đổi sổ tiết kiệm cho bà T.

Đối với số tiền 477.000.000đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng) bà T gửi ở trên thì số tiền thực tế mà bà T đưa cho P để gửi tiết kiệm là 450.000.000đ (bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng), số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) còn lại là số tiền lãi bà T được tất toán của khoản gửi. Mặc dù Trần Thị Bích P chưa thanh toán số tiền lãi này cho bà T xong đây là khoản tiền mà bà T được hưởng khi gửi tiết kiệm, đồng thời bà T và P đã thỏa thuận gửi tiết kiệm tiếp số tiền gốc và lãi này. Do đó Cơ quan điều tra xác định số tiền 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) cũng là số tiền P chiếm đoạt của bà T.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà Bùi Thị T là **477.000.000đ** (bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

(14) Bà Lê Thị M, sinh năm 1958, trú tại: TDP số 05, TT T L, huyện Hải H

- Ngày 14/02/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Lê Thị M số tiền gửi tiết kiệm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,1%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 14/02/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho bà M. Đến hạn, bà M liên hệ với P để lĩnh tiền gốc và tiền lãi của khoản gửi thì P lấy lý do đang đi học và

thuyết phục bà M gửi tiết kiệm thêm 01 năm nữa, bà M đồng ý. Sau đó P đã thanh toán số tiền lãi 3.550.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà M và đổi 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8199439 đưa cho bà M. Nội dung thể hiện ngày 16/04/2023 bà M gửi tiết kiệm số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,7%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 16/04/2024.

- Ngày 30/07/2022, tại Bru cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Lê Thị M số tiền gửi tiết kiệm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 30/07/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8191887 đưa cho bà M.

- Ngày 11/12/2022, tại Bru cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Lê Thị M số tiền gửi tiết kiệm 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,0%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 11/12/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8192225 đưa cho bà M.

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà Lê Thị M là **160.000.000đ** (một trăm sáu mươi triệu đồng).

(15) Bà Phạm Thị M, sinh năm 1967, trú tại: TDP số 03, TT T L, huyện Hải H:

Năm 2022 (không xác định được chính xác thời gian) bà Phạm Thị M nhờ chị Nguyễn Thị H (là con gái), sinh năm 1992, trú tại: TDP số 18, TT T L chở bà M ra Bru cục Hải T để gửi tiền tiết kiệm số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Do chị H cũng có ý định gửi tiết kiệm nên đã mang theo số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để gửi. Vì cả hai mẹ con đều gửi tiết kiệm nên bà M thống nhất với chị H gửi chung 01 sổ tiết kiệm và sổ đứng tên bà M, chị H đồng ý. Tại Bru cục Hải T bà M gặp P đặt vấn đề gửi tiền tiết kiệm. P yêu cầu bà M cung cấp căn cước công dân và ký vào 04 tờ giấy trắng A4, ký xong chị H đã đưa cho P 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) để gửi tiết kiệm. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho chị H.

Đến tháng 11/2022 do cần tiền nên ngày 10/11/2022 chị H đã đến Bru cục Hải T gặp P để làm thủ tục rút số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của mình. P đồng ý và đưa cho chị Hằng 04 tờ giấy trắng A4 và nói chị H về nhà cho bà M ký vào. Bà M ký xong thì chị H nộp lại cho P và P hẹn chị H hôm sau ra lấy tiền. Ngày 11/11/2022, chị H đến Bru cục gặp P, P trả cho chị H 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và trả lãi cho 02 mẹ con chị H được 2.337.000đ (hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng). P viết biên lai nội dung bà M rút số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), còn gửi 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho chị H.

Ngày 03/02/2023, P chủ động liên lạc với chị H nói lãi suất gửi tiết kiệm đang cao và hỏi chị H có muốn đổi sổ cho mẹ không. Sau đó chị H hỏi bà M thì bà M đồng ý đổi sổ tiết kiệm với lãi suất cao hơn. Chị H báo cho P biết và hẹn P ra

Bưu cục Hải T để đổi sổ. Tối ngày 04/02/2023 P đi một mình đến nhà chị H viết biên lai thu tiền với nội dung bà M gửi tiết kiệm số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 9,4%/năm và hẹn khi nào có sổ thì P đem qua nhà cho chị H. Sau đó P đã đổi 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8163075 đưa cho chị H. Nội dung thể hiện ngày 06/02/2023 bà M gửi tiết kiệm số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 9,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 06/03/2024. Sau khi hành vi phạm tội của P bị phát hiện, P đã khắc phục trả cho bà M 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tổng số tiền Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của bà M là **110.000.000đ** (một trăm mười triệu đồng).

(16) Bà Trần Thị L, sinh năm 1962, trú tại: TDP số 08, TT T L, huyện Hải H:

Ngày 24/12/2022, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Trần Thị L số tiền gửi tiết kiệm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,2%/năm, ngày đến hạn: 24/12/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho bà L.

Đến tháng 04/2023, bà L cầm sổ tiết kiệm ra Bưu cục Hải T rút tiền thì nhân viên Bưu cục (bà L không nhớ là ai) trả lời phải gặp P để lấy tiền vì Bưu điện không nhận sổ tiết kiệm này vì sổ tiết kiệm Bưu điện khác. Nhân viên này nói P đã chuyển Ln làm việc tại Bưu điện huyện Hải H. Bà L liên lạc với P nhưng không liên lạc được. Ngày 04/05/2023, P đi cùng một người phụ nữ (bà L không biết là ai) đến nhà bà L nói là để tri ân khách hàng gửi tiết kiệm và đưa cho bà L gói mì chính. Bà L nói với P là mình muốn rút tiền gửi tiết kiệm trước kỳ hạn, P nói bà L đưa sổ để P rút tiền cho bà L, bà L đồng ý đưa sổ tiết kiệm cho P sau đó P không trả lại sổ cũng không trả tiền cho bà L. Đến nay, P còn chiếm đoạt của bà L số tiền **100.000.000đ** (một trăm triệu đồng).

(17) Ông Vũ Hùng R, sinh năm 1964, trú tại: TDP số 09, TT T L, huyện Hải H:

Đầu tháng 10/2022 (không xác định được ngày), tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của ông Vũ Hùng R số tiền gửi tiết kiệm 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,3%/năm. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh đưa cho ông R. Nội dung thể hiện ngày 12/10/2022 ông R gửi tiết kiệm số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 7,3%/năm.

Ngày 10/06/2023, ông R được biết P bị vỡ nợ nên đã điện thoại cho P thì không thấy nghe máy. Ngày hôm sau P điện thoại cho ông R nói chuẩn bị sổ tiết kiệm để P lấy mang đi lĩnh tiền cho ông R. Cùng ngày P đến nhà gặp ông R, tin tưởng ông R đã đưa sổ tiết kiệm cho P cầm. Tuy nhiên sau đó P không trả sổ tiết kiệm cũng như không trả lại tiền gửi cho ông R. Đến nay P còn chiếm đoạt của ông R số tiền **50.000.000đ** (năm mươi triệu đồng).

(18) Bà Đỗ Kim T, sinh năm 1952, trú tại: TDP số 09, TT T L, huyện Hải H:

Ngày 09/01/2023, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Đỗ Kim T số tiền gửi tiết kiệm 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Kỳ hạn gửi 06 tháng, lãi suất 9,2%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 09/07/2023. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8193129 đưa cho bà T. Đến nay Trần Thị Bích P còn chiếm đoạt của bà T số tiền **80.000.000đ** (tám mươi triệu đồng).

(19) Bà Lê Thị T, sinh năm 1962, trú tại: TDP số 06, TT T L, huyện Hải H:

Ngày 31/01/2023, tại Bưu cục Hải T, Trần Thị Bích P đã nhận của bà Lê Thị T tổng số tiền 155.000.000đ (một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Bà T yêu cầu P tách số tiền gửi ra làm 02 sổ tiết kiệm với kỳ hạn gửi là 06 tháng và 12 tháng, P đồng ý. Sau đó P đã tự làm 01 sổ tiết kiệm giả màu xanh có số 8193255, với số tiền gửi 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 06 tháng, lãi suất 8,1%/năm, hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 31/07/2023 và 01 sổ tiết kiệm màu xanh có số 8193254, với số tiền gửi 85.000.000đ (tám mươi năm triệu đồng), kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,0%/năm, hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 31/01/2024 đưa cho bà T. Đến nay Trần Thị Bích P còn chiếm đoạt của bà Lê Thị T là **155.000.000đ** (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền Trần Thị Bích P đã nhận của 19 người dân ở trên là **6.640.470.000đ** (sáu tỷ sáu trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). P đã khắc phục trả lại một phần tiền cho 05 người dân với tổng số tiền **1.260.000.000đ** (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Các bị hại đều yêu cầu P trả số tiền gốc đã chiếm đoạt này. Tài liệu điều tra thể hiện giao dịch dân sự giữa P và các bị hại vô hiệu do bị lừa dối nên không có cơ sở để xác định tiền lãi, do đó số tiền P chiếm đoạt của người dân là **6.640.470.000đ** (sáu tỷ sáu trăm bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Trần Thị Bích P

Sau khi nhận được thông tin về việc P nhận tiền gửi và đưa sổ tiết kiệm giả cho một số người dân, ngày 01/02/2023, Bưu điện huyện Hải H đã đình chỉ công tác đối với P và P không còn làm giao dịch viên Bưu cục Hải T. Ngày 10/02/2023, Giám đốc Bưu điện huyện Hải H điều chuyển P về làm tại bộ phận khai thác Bưu điện Hải H. Ngày 30/03/2023, Giám đốc Bưu điện tỉnh N điều chuyển P làm tại Trung tâm khai thác vận chuyển thuộc Bưu điện tỉnh N. Dù không còn làm giao dịch viên tại Bưu cục Hải T **nH** do cần tiền chi tiêu cá nhân, Trần Thị Bích P đã gian dối với khách hàng cũ là mình đang đi học để người dân tin là P vẫn đang làm việc tại Bưu cục Hải T hoặc lãi suất tiền gửi tại thời điểm đó cao, nhận thêm tiền gửi và đổi sổ đến hạn thanh toán cho khách hàng, cũng như làm sổ tiết kiệm giả để chiếm đoạt tiền gửi tiết kiệm mới của 05 khách hàng, cụ thể:

(1) Ông Đinh Xuân B, trú tại: TDP số 10, TT T L, huyện Hải H: ngày 01/04/2023, P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho ông B với tổng số tiền

gốc của sổ cũ là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). P nhận thêm của ông B 5.000.000đ (năm triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho ông B với số tiền gửi là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8198334, kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,1%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 01/04/2024.

(2) Bà Bùi Thị T, trú tại: TDP số 9, TT T L, huyện Hải H: ngày 10/02/2023, P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho bà T với tổng số tiền gốc và lãi sổ cũ của bà T là 477.000.000đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng). P nhận thêm của bà T 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho bà T với số tiền gửi là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8163078, kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,4%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 10/02/2024.

Đến ngày 13/03/2023 P tiếp tục nhận của bà Bùi Thị T số tiền gửi mới là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho bà T. Sổ tiết kiệm mang số 8195234, kỳ hạn gửi 12 tháng, lãi suất 9,3%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 13/03/2024.

(3) Bà Phạm Thị L, trú tại: TDP số 12, TT T L, huyện Hải H: ngày 17/02/2023 P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho bà L với tổng số tiền gốc và lãi sổ cũ là 74.000.000đ (bảy mươi tư triệu đồng). P nhận thêm của bà L **26.000.000đ** (hai mươi sáu triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho bà L với số tiền gửi là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8161078, kỳ hạn gửi 01 tháng, lãi suất 6,0%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 17/03/2023.

(4) Bà L Thị K, trú tại: TDP số 5, TT T L, huyện Hải H: ngày 17/02/2023 P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho bà K với tổng số tiền gốc sổ cũ là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). P nhận thêm của bà K 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho bà K với số tiền gửi là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8163339, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 9,3%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 17/03/2024.

(5) Ông Nguyễn Văn H, trú tại: TDP số 14, TT T L, huyện Hải H: ngày 17/02/2023 P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho ông H với tổng số tiền gốc sổ cũ là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). P nhận thêm của ông H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho ông H với số tiền gửi là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8161077, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 9,1%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 17/02/2024.

+ Ngày 06/03/2023 P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, tổng số tiền gốc sổ cũ là 10.000.000đ (mười triệu đồng). P nhận thêm của ông H 10.000.000đ (mười triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho

ông H với số tiền gửi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8191884, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 9,3%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 06/04/2024.

+ Ngày 24/03/2023 P đã đổi 01 sổ tiết kiệm đến hạn thanh toán cho ông Nguyễn Văn H với tổng số tiền gốc sổ cũ là 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng). P nhận thêm của ông H 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nữa và làm sổ tiết kiệm giả đưa cho ông H với số tiền gửi là 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Sổ tiết kiệm mang số 8194333, kỳ hạn gửi 13 tháng, lãi suất 9,3%/năm. Hình thức lĩnh lãi một lần, ngày đến hạn: 24/04/2024.

Như vậy trong thời gian từ 01/02/2023 đến 14/04/2023, Trần Thị Bích P đã đổi sổ tiết kiệm giả và nhận thêm tiền gửi tiết kiệm của 05 khách hàng với tổng số tiền là **304.000.000đ** (ba trăm linh tư triệu đồng).

3. Hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” của Trần Thị Bích P:

Để thực hiện hành vi phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nêu trên, Trần Thị Bích P tự làm giả sổ tiết kiệm để chiếm đoạt tiền của người dân bằng cách: P đánh máy nội dung giống với sổ tiết kiệm của Ngân hàng B Đ L V trên máy tính của Bru cục Hải T, in ra ½ tờ giấy bìa A4 màu xanh do P tự mua để hoàn thiện sổ tiết kiệm có kỳ hạn. Ký tên vào mục “Giao dịch viên”, lấy dấu “nhật ấn”, dấu “BLĐ” (bột lỏng điện) của Bru cục Hải T đóng **Ln** sổ tiết kiệm đưa cho khách hàng.

Quá trình điều tra thu giữ 73 sổ tiết kiệm, 02 phiếu thu và 07 biên lai thu tiền mà Trần Thị Bích P đã làm đưa cho người dân để chiếm đoạt tiền gửi tiết kiệm.

Cơ quan điều tra đã ra các quyết định trưng cầu giám định số 194 ngày 13/6/2023, quyết định số 272 ngày 05/9/2023, quyết định số 278 ngày 29/9/2023, quyết định số 312 ngày 10/11/2023, quyết định số 136 ngày 18/01/2024, quyết định số 208 ngày 05/02/2024 đối với 73 sổ tiết kiệm mà P đã làm đưa cho khách hàng nêu trên. Tại các bản kết luận giám định số 1120 ngày 27/7/2023, kết luận giám định số 1481 ngày 26/10/2023, kết luận giám định số 1482 ngày 08/11/2023, kết luận giám định số 1680 ngày 28/11/2023, kết luận giám định số 353 ngày 26/01/2024, kết luận giám định số 488 ngày 29/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

- Các mẫu cần giám định (73 sổ tiết kiệm P đưa cho khách hàng) so với mẫu so sánh (sổ tiết kiệm thật do Ngân hàng TMCP B Đ L V phát hành) không cùng phương pháp in tương ứng in ra.

- Chữ ký dưới mục “Giao dịch viên” trên mẫu cần giám định so với chữ ký đứng tên Trần Thị Bích P trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Các hình dấu tròn có nội dung ở viền ngoài “BC HẢI T 428670” trên mẫu cần giám định so với các hình dấu trên mẫu so sánh do cùng một bộ con dấu đóng ra.

- Hình dấu chữ nhật có nội dung “BLĐ” trên mẫu cần giám định so với hình dấu có nội dung trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

Ngoài ra sổ tiết kiệm P đưa cho khách hàng hoàn toàn không giống màu sắc so với mẫu sổ tiết kiệm của Ngân hàng B Đ L V phát hành.

Đối với 73 sổ tiết kiệm đã thu giữ, xác định có 62 sổ tiết kiệm được Trần Thị Bích P làm giả trong thời gian công tác tại Bru cục Hải T, 11 sổ tiết kiệm còn lại được P làm giả sau khi P đã bị đình chỉ công tác và không làm giao dịch viên tại Bru cục Hải T. Trần Thị Bích P khai nhận: Sau khi bị đình chỉ cũng như bị điều chuyển công tác, không còn làm giao dịch viên Bru cục Hải T, P có quay lại Bru cục Hải T lấy áo mưa để quên ở khu vực cầu thang Ln tầng 02. Tại đây P vô tình nhìn thấy chìa khóa cửa của Bru cục được cất dưới chân cầu thang nên P đã tự lấy, mở cửa Bru cục Hải T để sử dụng máy tính của Bru cục tiếp tục làm giả 11 sổ tiết kiệm này.

Trường hợp sổ tiết kiệm giả của ông Trần Văn T, sinh năm 1958, trú tại: TDP 14, TT T L; ông Đoàn Văn P, sinh năm 1948, trú tại: TDP 12, TT T L; ông Đinh Xuân H, sinh năm 1950, trú tại: TDP số 8, TT T L. Đây là những trường hợp sau khi P khắc phục trả lại tiền cho ông T và ông P, ông H thì bà Nguyễn Thị Q – Giám đốc Bru điện huyện Hải H đã thu lại sổ tiết kiệm để trình báo Cơ quan điều tra. Tuy nhiên quá trình cất giữ, bà Q đã làm thất lạc sổ tiết kiệm giả của ông Trần Văn T và ông Đoàn Văn P. Riêng 11 sổ tiết kiệm giả của ông Đinh Xuân H, bà Q đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Đối với các giấy tờ P cho người dân ký nhận khi gửi tiền cũng như các sổ tiết kiệm P đã thanh toán cho người dân hoặc đổi sổ thì các giấy tờ này và các sổ tiết kiệm cũ P thu lại và đã tự hủy nên không thu giữ được.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra máy tính của Bru cục Hải T, kết quả không phát hiện file đánh máy có nội dung liên quan đến sổ tiết kiệm được lưu trong máy tính của Bru cục Hải T.

Như vậy, Trần Thị Bích P đã làm giả 73 sổ tiết kiệm Bru điện để chiếm đoạt tiền gửi tiết kiệm của người dân. Sau khi làm giả các sổ tiết kiệm, P đã sử dụng để đưa cho người dân, sau đó tiếp tục gian dối để người dân tin tưởng và nhờ P gửi tiết kiệm như trên.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Bích P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Trần Thị Bích P khai nhận có sử dụng 03 số tài khoản tại ba ngân hàng để thực hiện việc nhận và chuyển tiền của một số người dân. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã có công văn gửi ngân hàng TMCP Q Đ, ngân hàng TMCP B Đ L V và ngân hàng N N và P T N T V N về việc tra cứu thông tin và lịch sử giao dịch của P. Qua tra cứu xác nhận:

+ Tại ngân hàng TMCP Q Đ: Ngày 11/3/2023 P nhận tiền gửi tiết kiệm thông qua chuyển khoản từ số tài khoản của chị Bùi Thị T số tiền 120.000.000đ (một trăm

hai mươi triệu đồng). Ngày 16/05/2023 P chuyển khoản 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị H để khắc phục trả một phần tiền mà P đã chiếm đoạt cho bà Phạm Thị M (mẹ chị H). Ngày 24/05/2023 Trần Thị Bích P chuyển khoản 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) cho chị Trần Thị H T để khắc phục trả một phần tiền mà P đã chiếm đoạt cho bà L Thị K (mẹ chồng chị T). Hiện tại số tài khoản của P có số dư đến ngày 15/7/2023 là 370đ.

+ Tại ngân hàng TMCP B Đ L V: Trần Thị Bích P có mở tài khoản thanh toán số 029084800001 và tài khoản Ví Việt số 0106674057101 vào ngày 11/10/2021. Tuy nhiên cả 02 tài khoản không phát sinh giao dịch từ ngày mở tài khoản cho đến nay. Từ ngày 08/10/2019 đến ngày 09/02/2023 P đã 13 lần gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP B Đ L V. Toàn bộ 13 lần Trần Thị Bích P gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP B Đ L V nêu trên thì hàng năm Trần Thị Bích P đều đã tắt toán sổ tiết kiệm, hiện P không còn gửi tiền tiết kiệm nữa.

+ Tại ngân hàng N N và P T N T V N: ngày 23/04/2021 Trần Thị Bích P mở tài khoản số 3209205435930 tại ngân hàng. Ngân hàng cung cấp 76 tờ Sổ phụ, sao kê chi tiết giao dịch qua tài khoản 209205435930 của chủ tài khoản Trần Thị Bích P từ ngày mở tài khoản 23/04/2021 đến 04/08/2023. Số dư tài khoản tính đến ngày 31/10/2023 là 4.601đ.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N có công văn số 1586 ngày 06/7/2023 đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở tài nguyên môi trường tỉnh N cung cấp thông tin về các thửa đất mà Trần Thị Bích P đứng tên trên địa bàn tỉnh N. Sở tài nguyên môi trường tỉnh N đã có công văn trả lời xác nhận P cùng chồng sử dụng hai thửa đất gồm: thửa đất số 505, tờ bản đồ số 52 diện tích 150m² ở TDP số 19, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 48 diện tích 120m² ở TDP số 18, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N. Ngày 04/5/2023 P cùng chồng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 203 tờ bản đồ số 48 diện tích 120m² ở TDP số 18, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N cho bà Đinh Thị H.

***Vật chứng thu giữ:**

- Các bị hại và người liên quan tự nguyện giao nộp 73 sổ tiết kiệm, 02 phiếu thu và 7 biên lai thu tiền mà P đã làm, đưa cho người dân.

- Bưu điện huyện Hải H, tỉnh N cung cấp các quyết định, giấy tờ liên quan đến công tác tổ chức cán bộ đối với Trần Thị Bích P, quyết định thành lập Bưu điện tỉnh N kèm theo danh mục ngành nghề kinh doanh, các mẫu giấy phụ lục, xác nhận....

- Trần Thị Bích P giao nộp: 01 đơn tập thể (10 người dân) đề nghị rút đơn khởi kiện đối với Trần Thị Bích P liên quan đến việc những người này đã có đơn đề nghị cơ quan điều tra làm rõ việc P chiếm đoạt tiền của họ và 08 đơn đề nghị không khiếu nại tới việc gửi tiết kiệm và kết quả điều tra của cơ quan điều tra đều đề ngày 18/5/2020. Người dân khai do P đến thỏa thuận là sẽ trả tiền cho họ và xin người dân ký giúp để P được giảm nhẹ tội nên họ đã ký. Ngoài ra P còn giao nộp

01 giấy khai sinh mang tên Trần Hoàng Đ, sinh ngày 31/8/2020 (con trai P), 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị Bích P.

- Anh Trần Xuân T, sinh năm 1981 (chồng của P) giao nộp 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 659166 cấp ngày 28/8/2017 mang tên Trần Thị Bích P và anh Trần Xuân T; 01 hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 505, tờ bản đồ số 52, diện tích 150m² ở TDP số 19, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N giữa bên bán là vợ chồng P, bên mua là anh Phạm Thanh P, sinh năm 1983 ở TDP số 09, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N.

- Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1981, trú tại: TDP số 19, TT T L, huyện Hải H, tỉnh N giao nộp bản photo: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK659166 cấp ngày 28/8/2017 mang tên vợ chồng P; 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 505 tờ bản đồ số 52 ở TDP số 19, TT T L, huyện Hải H giữa vợ chồng P và anh P; 01 giấy biên nhận thể hiện anh P trả số tiền mua bán nhà đất 400 triệu đồng còn lại theo hợp đồng đặt cọc trên.

- Ông Nguyễn Văn H giao nộp 01 USB ghi âm đoạn nói chuyện của ông H với một số người dân gửi tiết kiệm tại các Bru cục khác trên địa bàn tỉnh N

*** Về trách nhiệm dân sự:** Tổng số tiền P chiếm đoạt của các bị hại là 6.944.470.000đồng. P đã khắc phục trả lại một phần tiền cho 05 người dân với tổng số tiền 1.260.000.000đồng. P còn phải trả cho các bị hại tổng số tiền 5.684.470.000đồng.

* Cáo trạng số 39/CT-VKS-P3 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N truy tố Trần Thị Bích P về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 BLHS, tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 BLHS.

* Tại phiên toà: Bị cáo Trần Thị Bích P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị hại có mặt đều đề nghị HĐXX buộc bị cáo P phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm hưởng của các bị hại, về hình phạt đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Trần Thị Bích P phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Trần Thị Bích P 20 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Trần Thị Bích P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a,b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Trần Thị Bích P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc Trần Thị Bích P phải chấp hành hình phạt chung của 4 tội là 30 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Thị Bích P phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm hưởng của các bị hại.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Bích P trình bày: Nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần H quả cho bị hại nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tuyên bị cáo ở mức thấp mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N đề nghị để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2020 đến ngày 01/02/2023, Trần Thị Bích P được phân công làm giao dịch viên Bưu cục Hải T, thuộc Bưu điện huyện Hải H. Lợi dụng việc được quảng cáo cho người dân biết về chương trình gửi tiết kiệm Bưu điện của Ngân hàng B Đ L V. Mặc dù, không được

giao nhiệm vụ thu tiền gửi tiết kiệm và phát sổ tiết kiệm cho người dân, **nH** do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Thị Bích P đã nói dối người dân là P được phép nhận tiền gửi và phát sổ tiết kiệm rồi nhận tiền gửi tiết kiệm của người dân để chiếm đoạt tiền gửi tiết kiệm của 19 khách hàng với tổng số tiền 6.640.470.000 đồng. Sau khi hành vi trên của Trần Thị Bích P bị phát hiện, ngày 01/02/2023 P bị đình chỉ công tác và được điều chuyển công tác, không còn làm giao dịch viên Bưu cục Hải T. Trần Thị Bích P vẫn tiếp tục nói dối khách hàng là đang đi học để người dân tin là P vẫn đang làm việc tại Bưu cục Hải T, đồng thời nói với người dân lãi suất tiền gửi đang cao để người dân tin tưởng mà đổi sổ đã đến hạn thanh toán cũng như gửi tiền tiết kiệm mới cho P. Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 14/4/2023, Trần Thị Bích P đã chiếm đoạt của 05 khách hàng gửi thêm tiền tiết kiệm với tổng số tiền 304.000.000đ. Từ năm 2020 đến ngày 14/4/2023, để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền gửi, Trần Thị Bích P đã làm giả 73 sổ tiết kiệm của ngân hàng TMCP B Đ L V để đưa cho các khách hàng.

Hành vi của Trần Thị Bích P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 BLHS; Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS; Tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mỗi lần bị cáo P thực hiện hành vi đối với bốn tội danh đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, bị cáo P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “ phạm tội hai lần trở Ln” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS đối với tất cả các tội; Đối với tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội với “ người đủ 70 tuổi trở Ln” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; Trước và trong thời gian bị tố giác P đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại với số tiền là 1.260.000.000 đồng; Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội P đã mang thai đến ngày 31/8/2020 thì sinh con. HĐXX áp dụng các điểm b, n, s quy định tại khoản 1 điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo đối với từng tội danh như sau:

[4.1] Đối với tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”: Trần Thị Bích P là nhân viên Bưu điện huyện Hải H không được giao nhiệm vụ thu tiền gửi tiết kiệm và phát sổ tiết kiệm cho người dân nH vẫn làm nhận tiền gửi và phát

sổ tiết kiệm cho người dân để chiếm đoạt tiền gửi tiết kiệm của 19 khách hàng với tổng số tiền 6.640.470.000 đồng. Hành vi của bị cáo P trực tiếp xâm hại sự hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và quan hệ sở hữu của công dân. Số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn, do vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, nhằm mục đích trừng trị và giáo dục đối với bị cáo.

[4.2] Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Ngày 01/02/2023, P bị đình chỉ công tác và được điều chuyển công tác, không còn làm giao dịch viên Bưu cục Hải T **nH** vẫn nói dối khách hàng là đang đi học và nói với người dân lãi suất tiền gửi đang cao để người dân tin tưởng đối sổ đã đến hạn thanh toán cũng như gửi tiền tiết kiệm mới cho P. Từ ngày 01/02/2023 đến ngày 14/4/2023, P đã chiếm đoạt của 05 khách hàng gửi thêm tiền tiết kiệm với tổng số tiền 304.000.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trên địa bàn tỉnh N. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4.3] Đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Trần Thị Bích P đã làm giả 73 sổ tiết kiệm của ngân hàng TMCP B Đ L V đưa cho các khách hàng để chiếm đoạt tiền của khách hàng. Hành vi của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. HĐXX quyết định hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Tổng số tiền Trần Thị Bích P chiếm đoạt của các bị hại là 6.944.470.000 đồng. P đã khắc phục trả cho 05 người dân với tổng số tiền là 1.260.000.000 đồng. Số tiền còn lại 5.684.470.000 đồng cần buộc bị cáo phải trả cho các bị hại.

[7] Về vật chứng vụ án : Các giấy tờ liên quan đến hành vi phạm tội nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Bích P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Thị Bích P phạm tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”, tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 355; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Trần Thị Bích P 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Trần Thị Bích P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

4. Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Trần Thị Bích P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

5. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc Trần Thị Bích P phải chấp hành hình phạt chung của 4 tội là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2023.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 BLHS. Buộc Trần Thị Bích P phải trả cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Cụ thể:

- Ông Đỗ Ngọc B số tiền 237.000.000đ (hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).
- Ông Lê Quý T số tiền 102.000.000đ (một trăm linh hai triệu đồng).
- Ông Đinh Xuân H số tiền 1.602.000.000đ (một tỷ sáu trăm linh hai triệu đồng).
- Ông Nguyễn Đức C số tiền 22.470.000đ (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Bà Trần Thị Đ số tiền 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).
- Ông Nguyễn Văn H số tiền 455.000.000đ (bốn trăm năm mươi năm triệu đồng).
- Ông Trần Ngọc A số tiền 295.000.000đ (hai trăm chín mươi năm triệu đồng).
- Bà Trần Thị L số tiền 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng).
- Bà Phạm Thị L số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Ông Trần Văn H số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).
- Bà Lê Thị K số tiền 235.000.000đ (hai trăm ba mươi năm triệu đồng).
- Ông Đinh Xuân B, số tiền 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng).
- Bà Bùi Thị T số tiền 620.000.000đ (sáu trăm hai mươi triệu đồng).
- Bà L Thị M số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).
- Bà Phạm Thị M số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Bà Trần Thị L số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Ông Vũ Hùng R số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).
- Bà Đỗ Kim T số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).
- Bà L Thị T số tiền 155.000.000đ (một trăm năm mươi năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Bích P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn); Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Trần Thị Bích P phải nộp 113.684.000 đồng (một trăm mười ba triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn).

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- CA; VKS tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Bị cáo; các bị hại;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh T